

Bản án số: 05/2020/HSST
Ngày: 27 tháng 3 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Võ Đức Hợi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thông; Ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 09/2020/HSST ngày 17 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HS ngày 19/3/2020 đối với bị cáo:

Triệu Văn D (tên gọi khác: H), sinh ngày 04/01/2003 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm nông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn C và bà Thẩm Thị C1 (đã chết); Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 06/10/2019 bị Công an xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa nộp phạt.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Triệu Văn D: ông Triệu Văn C, sinh năm 1964. Nơi cư trú: thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn D: ông Phùng Văn H – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị hại:

+ bà Nguyễn Thị Tú D1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ ông Lê Văn Q, sinh năm 1978. Nơi cư trú: thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh

Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ anh Dương Quang Đ, sinh năm 1988. Nơi cư trú: thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ ông Châu Văn K, sinh năm 1973. Nơi cư trú: thôn T, xã E1, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày tháng 31/10/2019 đến ngày 02/11/2019, Triệu Văn D đã liên tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác tại thôn 2 và thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

* Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ ngày 31/10/2019, D đi bộ từ nhà đến quán cà phê Vọng Nguyệt tại thôn 3, xã E của bà Nguyễn Thị Tú D1 sau đó trèo qua cổng rào vào bên trong quán lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus của bà D1 đang cắm sạc ở trong quán của bà D1 mang đi bán cho anh Dương Quang Đ với giá 200.000đồng.

* Vụ thứ hai:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 01/11/2019, D đã lén nút trèo cổng rào vào quán cà phê Ban Mê Xanh của ông Lê Văn Q tại thôn 2, xã E, huyện M để lấy 05 gói thuốc lá điếu nhãn hiệu CRAVEN A và 01 túi vải màu đen ở quầy bán hàng bên trong có 89.000 đồng tiền mặt rồi trèo cổng ra ngoài.

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ cùng ngày, D tiếp tục trèo vào cổng lấy trộm 06 gói thuốc lá điếu nhãn hiệu 555 ở quầy bán hàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy 6 của anh Q đang cắm sạc ở đầu giường và 01 con heo đất để trên kệ sách mang ra hàng rào của quán đập vỡ và lấy toàn bộ số tiền bên trong là 1.500.000đồng.

Quan sát xung quanh, phát hiện thấy có nhiều lồng úp gà chọi ở phía trước quán, D mở lồng bắt 01 con gà chọi khoảng 3kg rồi trèo cổng ra ngoài. D đem giấu gà trong bụi cây rồi ngồi bên lề đường Quốc lộ 26, khi thấy có 01 người đàn ông chở lồng gà đi qua, D đã bán gà cho người này được 39.000 đồng. Khoảng 10 giờ cùng ngày D bắt xe buýt lên xã E1, huyện E2 bán điện thoại Samsung Galaxy 6 cho ông Châu Văn K là chủ tiệm điện thoại Trung Kiên với giá 100.000 đồng sau đó quay trở lại quán Internet ở thôn 2, xã E chơi game.

Lần thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 02/11/2019, D tiếp tục đột nhập vào quán Ban Mê Xanh lấy trộm 05 gói thuốc lá điếu nhãn hiệu 555, 02 gói thuốc lá điếu nhãn hiệu WHITE HORSE ở quầy bán hàng và 01 đôi giày vải hiệu Bitis ở phía

sau quán. Phát hiện có nhiều gà nhốt trong chuồng, D đã mở cửa và bắt 01 con gà chọi khoảng 3kg sau đó treo cổng ra ngoài bán cho người đi đường với giá 30.000 đồng.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 643/KL-HĐĐG ngày 11/12/2019, số 08/KL-HĐĐG ngày 15/02/2020 và số 09/KL-HĐĐG ngày 15/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 trị giá 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 6 Plus trị giá 2.000.000 đồng; 11 gói thuốc lá điều nhãn hiệu 555 trị giá 330.000 đồng, 05 gói thuốc lá điều nhãn hiệu CRAVEN A trị giá 100.000 đồng; 02 gói thuốc lá điều nhãn hiệu WHITE HORSE trị giá 44.000 đồng; 02 con gà chọi 6kg trị giá 540.000 đồng; 01 đôi giày vải cỡ 42 nhãn hiệu Bitis trị giá 200.000 đồng.

** Vật chứng tạm giữ:* 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus; 01 đôi giày vải hiệu Bitis màu đen – đỏ cỡ số 42; 01 con heo đất màu xanh bị vỡ 01 lỗ trên lưng bên phải.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với các vật chứng khác gồm 11 gói thuốc lá điều nhãn hiệu 555; 05 gói thuốc lá điều nhãn hiệu CRAVEN A; 02 gói thuốc lá điều nhãn hiệu WHITE HORSE, số tiền mặt 1.589.000 đồng cùng số tiền bán gà, tiền bán điện thoại bị cáo đã sử dụng và tiêu xài hết. Đối với vật chứng là 02 con gà chọi hiện chưa thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Triệu Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo D khai nhận: Bị cáo không nhớ rõ ngày tháng, nhưng đã thực hiện ba lần trộm cắp tài sản cụ thể: Lần thứ nhất bị cáo vào Quán cà phê Vọng Nguyệt ở thôn 2 xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk lấy 01 điện thoại di động. Lần thứ hai và ba, bị cáo vào quán cà phê Ban Mê Xanh ở thôn 2 xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk lấy các tài sản sau: 01 điện thoại di động; 01 con heo đất bên trong có số tiền 1.500.000đồng; 01 túi vải bên trong có 89.000đồng; 18 gói thuốc lá; 01 đôi giày vải và 02 con gà. Bị cáo đã sử dụng và tiêu xài cá nhân hết số tài sản chiếm đoạt được.

- Người bị hại bà Nguyễn Thị Tú D1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

- Người bị hại ông Lê Văn Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá các tài sản đã chiếm đoạt và sử dụng là 4.803.000đồng (gồm 11 gói thuốc lá điều nhãn hiệu

555, 05 gói thuốc lá điều nhãn hiệu CRAVEN A; 02 gói thuốc lá điều nhãn hiệu WHITE HORSE, 02 con gà chọi khoảng 6kg, số tiền mặt 89.000 đồng ở quầy bán hàng và 3.500.000 đồng trong con heo đất).

- Ông Châu Văn K yêu cầu D trả lại số tiền 100.000 đồng, anh Dương Quang Đ yêu cầu D trả lại số tiền 200.000 đồng là tiền mua điện thoại là có căn cứ.

Đối với anh Dương Quang Đ và ông Châu Văn K là những người đã mua điện thoại của D, quá trình điều tra xác định được anh Đ và ông K không hề hứa hẹn trước với D, cũng không biết được điện thoại D bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý anh Đ và ông K về hành vi “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với người đàn ông đã mua gà của D, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Triệu Văn D phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo Triệu Văn D từ 09 đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện M trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị Tú D1 và ông Lê Văn Q.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, 586 Bộ luật Dân sự, buộc Triệu Văn D phải bồi thường cho anh Q số tiền 2.603.000 đồng; trả lại cho ông Châu Văn K 100.000 đồng, anh Dương Quang Đ 200.000 đồng. Do bị cáo D không có thu nhập và tài sản riêng nên bố của D là ông Triệu Văn C phải có trách nhiệm bồi thường thay cho bị cáo.

Người đại diện cho bị cáo D, ông Triệu Văn C tranh luận: Bị cáo không có việc làm, gia đình không quản lý được bị cáo. Hoàn cảnh gia đình hiện nay rất khó khăn, nên không có khả năng bồi thường cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phân tích. Tuy nhiên do bị cáo là người chưa thành niên, nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội, mà cần áp dụng Điều 91 và 100 Bộ luật Hình sự để cải tạo bị cáo ngoài cộng đồng cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo. Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, nên đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí cho bị cáo.

Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Sau khi bị xử phạt hành chính, bị cáo chưa chấp hành, nhưng lại liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có

tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo không nói lời sau cùng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an huyện M, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai người bị hại, những người liên quan và các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, từ ngày 31/10/2019 đến ngày 02/11/2019 bị cáo D đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của người khác tại thôn 2 và thôn 3 xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk với tổng giá trị tài sản 6.803.000 đồng. Thiệt hại mà bị cáo gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS nên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] *Về hình phạt*: Xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, coi thường quyền sở hữu về tài sản của người khác đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo không chỉ gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của nhiều người, với nhiều lần phạm tội. Bị cáo cũng từng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng không rút ra bài học kinh nghiệm trong khi tuổi đời còn trẻ. Vì vậy, cần

thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Trong một thời gian ngắn, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, giá trị tài sản của mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, HĐXX xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Thiệt hại do bị cáo gây ra là không lớn. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, HĐXX cần áp dụng điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[4] Đối với anh Dương Quang Đ và ông Châu Văn K là những người đã mua điện thoại của D, quá trình điều tra xác định anh Đ và ông K không hề hứa hẹn trước với D sẽ mua điện thoại nên không đồng phạm với D trong vụ án. Bên cạnh đó, anh Đ và ông K cũng không biết được điện thoại D bán cho mình là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý anh Đ và anh Kiên về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[5] Đối với người đàn ông đã mua gà của D, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[6] Các biện pháp tư pháp:

[6.1] *Về trách nhiệm dân sự:*

- Người bị hại bà Nguyễn Thị Tú D1 không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

- Người bị hại ông Lê Văn Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá các tài sản đã chiếm đoạt và sử dụng tổng cộng 4.603.000đồng. Tuy nhiên, Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo chỉ thừa nhận số tiền bên trong con heo đất chỉ có 1.500.000đồng, ông Q không chứng minh được số tiền đã bỏ trong con heo đất chính xác là bao nhiêu, nên yêu cầu của ông Q đối với số tiền 3.500.000đồng là không có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận lời khai của bị cáo (1.500.000đồng), buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Q giá trị tài sản đã chiếm đoạt và sử dụng là 2.603.000đồng.

Do bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nên trường hợp bị cáo không đủ tài sản riêng để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Châu Văn K yêu cầu D trả lại số tiền 100.000đồng, anh Dương Quang Đ yêu cầu D trả lại số tiền 200.000đồng là tiền mua điện thoại của bị cáo là có căn cứ.

[6.2] *Về vật chứng*: Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Nguyễn Thị Tú D1 và ông Lê Văn Q theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu.

[7] *Về án phí*: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Triệu Văn D (H) 06(sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho bà Nguyễn Thị Tú D1 và ông Lê Văn Q (đặc điểm vật chứng theo như Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu).

2.2. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, 586 Bộ Luật Dân sự. Buộc bị cáo D phải bồi thường cho ông Lê Văn Q số tiền 2.603.000 đồng; Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Châu Văn K 100.000đồng, anh Dương Quang Đ 200.000đồng.

Do bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nên trường hợp bị cáo không đủ tài sản riêng để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng quản lý lý lịch - Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo, Đương sự;
- Người bào chữa;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Đức Hợi